

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Quy định thủ tục về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định thủ tục về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định thủ tục về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, bao gồm:

1. Thủ tục giao dịch điện tử trong thu, nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan hải quan quản lý thu đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

2. Thủ tục tiếp nhận, cung cấp thông tin thu, nộp tiền phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh giữa cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu qua Công thanh toán điện tử hải quan và tổ chức khác có liên quan với cơ quan hải quan.

3. Thủ tục bảo lãnh khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bằng phương thức điện tử.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nộp thuế theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 Luật Quản lý thuế.

2. Cơ quan hải quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Luật Quản lý thuế.

3. Kho bạc Nhà nước các cấp (sau đây viết tắt là KBNN).

4. Ngân hàng thương mại, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, các tổ chức tín dụng khác thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng (sau đây gọi là ngân hàng) và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức liên quan đến thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bảo lãnh, thu nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Bảo lãnh điện tử”: là hình thức phát hành thư bảo lãnh về tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước của ngân hàng bằng phương thức truyền nhận thông điệp dữ liệu bảo lãnh tiền thuế thông qua Cổng thanh toán điện tử hải quan.

2. “Chứng từ điện tử”: là thông tin được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ bằng phương thức điện tử khi người nộp thuế, cơ quan hải quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan thực hiện giao dịch thuế điện tử.

3. “Mã giao dịch điện tử”: là một dãy các ký tự được tạo theo một nguyên tắc thống nhất, có tính duy nhất theo từng chứng từ điện tử trên Cổng thanh toán điện tử hải quan.

4. “Cổng thanh toán điện tử hải quan”: là hệ thống kết nối, trao đổi, đối chiếu và cung cấp thông tin điện tử để phục vụ công tác thu nộp tiền thuế, phí, lệ phí, bảo lãnh thuế điện tử giữa cơ quan hải quan, cơ quan Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các cơ quan quản lý thực hiện kết nối qua một cửa quốc gia.

5. “Cổng thông tin điện tử hải quan”: là cổng thông tin tích hợp giữa các hệ thống thông tin, ứng dụng và các dịch vụ liên quan đến nghiệp vụ hải quan.

6. “Hệ thống kế toán thuế tập trung”: là chương trình ứng dụng quản lý kế toán nghiệp vụ thuế và thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của cơ quan hải quan.

7. “Ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán”: là ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nơi người nộp thuế thực hiện việc nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

8. “Cổng trao đổi thông tin của Ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán”: là hệ thống kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu điện tử giữa ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán với Tổng cục Hải quan để thực hiện thủ tục thu, nộp thuế và các khoản thu khác, bảo lãnh tiền thuế, trao đổi các thông tin điện tử về người nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

9. “Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”: bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định được kết nối với Cổng thanh toán điện tử hải quan.

10. “Mã định danh khoản phải nộp (ID)”: là số tờ khai hải quan hoặc một dãy các ký tự được hệ thống ứng dụng quản lý tạo trên hệ thống ứng dụng quản lý, có tính duy nhất cho từng hồ sơ, khoản phải nộp của người nộp thuế.

11. “Ngân hàng ủy nhiệm thu” là ngân hàng đã ký thỏa thuận về phối hợp thu ngân sách nhà nước với Kho bạc Nhà nước và có tài khoản của Kho bạc Nhà nước mở tại ngân hàng đó.

12. “Ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu với cơ quan hải quan”: là ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã ký Thỏa thuận hợp tác với Tổng cục Hải quan về phối hợp thu nộp tiền thuế, bảo lãnh tiền thuế điện tử, sau đây gọi là “ngân hàng/ tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu”.

13. “Ngân hàng chưa phối hợp thu với cơ quan hải quan”: là ngân hàng chưa ký Thỏa thuận hợp tác với Tổng cục Hải quan về phối hợp thu nộp tiền thuế, bảo lãnh tiền thuế điện tử, sau đây gọi là “ngân hàng chưa phối hợp thu”.

Điều 4. Nguyên tắc giao dịch thuế điện tử

1. Người nộp thuế thực hiện giao dịch nộp thuế và thu khác, bảo lãnh thuế điện tử phải có khả năng truy cập và sử dụng mạng Internet, có địa chỉ thư điện tử, có chữ ký số theo quy định tại Điều 5 Thông tư này trừ trường hợp người nộp thuế lựa chọn phương thức nộp thuế điện tử theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

2. Người nộp thuế có thể lựa chọn các phương thức sau đây để thực hiện giao dịch thuế điện tử thông qua:

a) Cổng thanh toán điện tử hải quan/ phần mềm, công cụ hỗ trợ do cơ quan hải quan cung cấp thông qua Cổng thanh toán điện tử hải quan;

b) Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được kết nối với Cổng thanh toán điện tử hải quan;

c) Cổng Dịch vụ công quốc gia;

d) Dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để thực hiện nộp thuế điện tử.

3. Đăng ký sử dụng phương thức giao dịch bảo lãnh thuế, thu nộp tiền thuế điện tử

a) Người nộp thuế giao dịch thuế điện tử thông qua Cổng thanh toán điện tử hải quan thì đăng ký thực hiện giao dịch thuế điện tử theo quy định tại Điều 6 Thông tư này;

b) Người nộp thuế giao dịch thuế điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được kết nối với Cổng thanh toán điện tử hải quan thì đăng ký thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Người nộp thuế lựa chọn hình thức nộp thuế điện tử thông qua dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thì đăng ký thực hiện theo hướng dẫn của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

d) Người nộp thuế lựa chọn bảo lãnh thuế điện tử của ngân hàng thì đăng ký thực hiện theo hướng dẫn của ngân hàng.

4. Người nộp thuế lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước điện tử theo một trong các phương thức sau:

a) Người nộp thuế truy cập Cổng thanh toán điện tử hải quan/ Cổng dịch vụ công quốc gia/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước điện tử trực tuyến tại Cổng thanh toán/thông tin điện tử mà người nộp thuế đã lựa chọn, ký số và gửi cho cơ quan hải quan;

b) Người nộp thuế lựa chọn phương thức giao dịch thuế điện tử bằng phần mềm, công cụ hỗ trợ do cơ quan hải quan cung cấp mà người nộp thuế lựa chọn, ký số và gửi thông tin đến Cổng thanh toán điện tử hải quan;

c) Người nộp thuế nộp thuế điện tử thông qua dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, người nộp thuế truy cập vào Cổng trao đổi thông tin của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và thực hiện lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước theo hướng dẫn của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. Ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện chuyển thông tin nộp thuế điện tử của người nộp thuế đến Cổng thanh toán điện tử hải quan theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

Điều 5. Chứng từ điện tử trong giao dịch thuế điện tử

1. Chứng từ điện tử gồm:

a) Chứng từ nộp ngân sách nhà nước điện tử: chứng từ nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước dưới dạng điện tử, trường hợp nộp thuế qua hình thức nộp thuế điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thì chứng từ nộp ngân sách nhà nước là chứng từ giao dịch của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải đảm bảo đủ các thông tin trên mẫu chứng từ nộp ngân sách nhà nước.

b) Bảo lãnh điện tử các khoản phải nộp ngân sách nhà nước do ngân hàng bảo lãnh phát hành gửi đến Cổng thanh toán điện tử hải quan;

c) Các chứng từ điện tử theo quy định tại khoản này phải được ký số theo quy định tại Điều 6 Thông tư này. Trường hợp các tài liệu kèm theo ở dạng chứng từ giấy phải được chuyển đổi sang dạng điện tử theo quy định tại Luật Giao dịch điện tử, Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính.

2. Giá trị pháp lý của chứng từ điện tử: Chứng từ điện tử theo quy định tại Thông tư này có giá trị như hồ sơ, chứng từ và các văn bản bằng giấy. Chứng từ điện tử có giá trị là bản gốc nếu được thực hiện bằng một trong các biện pháp quy định tại Điều 5 Nghị định số 165/2018/NĐ-CP.

3. Chuyển đổi chứng từ điện tử sang chứng từ giấy và ngược lại:

Chứng từ điện tử được chuyển đổi sang chứng từ giấy và ngược lại theo quy định tại Luật Giao dịch điện tử và Nghị định số 165/2018/NĐ-CP và phải đảm bảo các định dạng, tiêu chuẩn kỹ thuật dữ liệu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chứng từ nộp ngân sách nhà nước phục hồi được thực hiện theo quy định tại Luật Giao dịch điện tử, Nghị định số 165/2018/NĐ-CP và Điều 13 Thông tư này.

4. Sửa đổi chứng từ điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 165/2018/NĐ-CP.

5. Lưu trữ chứng từ điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 21 Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

Điều 6. Chữ ký số trong giao dịch thuế điện tử

1. Người nộp thuế khi thực hiện giao dịch thuế điện tử phải sử dụng chứng thư chữ ký số đang còn hiệu lực do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp, hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận ký số trên các hồ sơ, chứng từ nộp thuế và thu khác bằng phương thức điện tử trừ một số trường hợp sau:

a) Người nộp thuế là cá nhân đã có mã số thuế chưa được cấp chứng thư chữ ký số;

b) Người nộp thuế lựa chọn phương thức nộp thuế điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này thực hiện theo quy định của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

2. Người nộp thuế đăng ký chứng thư chữ ký số với cơ quan hải quan để thực hiện nộp thuế điện tử trên Cổng thanh toán điện tử hải quan.

3. Trường hợp người nộp thuế có thay đổi một trong các thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì người nộp thuế có trách nhiệm đăng ký thay đổi.

4. Người nộp thuế phải sử dụng chữ ký số bằng chứng thư chữ ký số quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này để ký trên các chứng từ nộp thuế, bảo lãnh thuế điện tử của người nộp thuế khi giao dịch với bằng phương thức điện tử trên Cổng thanh toán điện tử hải quan.

Chương II

GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC THUẾ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH

Mục 1

GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG THU NỘP TIỀN THUẾ, TIỀN CHẠM NỘP, TIỀN PHẠT, TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC THUỘC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DO CƠ QUAN HẢI QUAN QUẢN LÝ

Điều 7. Nộp thuế điện tử qua Cổng thanh toán điện tử hải quan

1. Người nộp thuế thực hiện lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước

a) Người nộp thuế truy cập vào Cổng thanh toán điện tử hải quan lựa chọn nộp thuế và các khoản thu khác của ngân sách nhà nước theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP; người nộp thuế chỉ được sửa thông tin số tiền nộp ngân sách nhà nước. Người nộp thuế kiểm tra thông tin trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước, lựa chọn ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc Kho bạc Nhà nước trích tài khoản và ký số để yêu cầu trích tiền nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp tiền thuế phải nộp vào tài khoản thu khác nhau, thì lập riêng giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước tương ứng với từng tài khoản thu;

b) Đối với khoản nộp chưa có trên Cổng thanh toán điện tử hải quan mà người nộp thuế lựa chọn lập chứng từ nộp ngân sách nhà, người nộp thuế lập đầy đủ thông tin trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước, lựa chọn ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc Kho bạc Nhà nước trích tài khoản và ký số để yêu cầu trích tiền nộp ngân sách nhà nước;

c) Trường hợp người nộp thuế nộp tiền phí hải quan, lệ phí hàng hóa phương tiện quá cảnh cho nhiều tờ khai, người nộp thuế cập nhật các thông tin liên quan phù hợp thông điệp thanh toán phí, lệ phí, số tờ khai đại diện 9999999999 (10 số 9), tổng số tiền phí, lệ phí phải nộp.

2. Xử lý chứng từ nộp ngân sách nhà nước lập trên Cổng thanh toán điện tử hải quan

a) Cổng thanh toán điện tử hải quan tự động tạo ra số chứng từ hoặc mã định danh khoản thu cập nhật trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước do người

nộp thuế lập trên Cổng thanh toán điện tử hải quan và truyền thông tin trích nộp ngân sách nhà nước đến ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán mà người nộp thuế lựa chọn.

Trường hợp người nộp thuế lựa chọn phương thức giao dịch thuế điện tử bằng phần mềm, công cụ hỗ trợ trên Cổng thanh toán điện tử hải quan; Cổng thanh toán điện tử hải quan tự động truyền thông tin thu nộp ngân sách nhà nước, tạo ra số chứng từ hoặc mã định danh khoản thu cập nhật trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước trên Cổng thanh toán điện tử hải quan, ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện nộp ngân sách nhà nước.

b) Cổng thanh toán điện tử hải quan thực hiện truyền thông tin theo chứng từ nộp ngân sách nhà nước (bao gồm: Tài khoản trích nợ; số tiền nộp ngân sách nhà nước; Kho bạc Nhà nước nơi hưởng nguồn thu; cơ quan hải quan nơi quản lý khoản thu) đến ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán mà người nộp thuế đã lựa chọn trích tài khoản.

c) Ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán mà người nộp thuế trích tiền từ tài khoản lựa chọn để chuyển ngay vào tài khoản thu của Kho bạc Nhà nước mở tại ngân hàng ủy nhiệm thu; đồng thời truyền ngay dữ liệu thông tin thu đến Cổng thanh toán điện tử hải quan; trường hợp trích tiền và hạch toán sau thời điểm cut offtime: chậm nhất vào đầu giờ của ngày làm việc tiếp theo (trừ ngày làm việc cuối cùng của năm), phải chuyển ngay vào tài khoản thu của Kho bạc Nhà nước. Đối với ngày làm việc cuối cùng của năm phải phối hợp ngân hàng ủy nhiệm thu để hạch toán và truyền chứng từ ngay trong ngày làm việc cuối cùng của năm.

Ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán mà người nộp thuế cung cấp chứng từ nộp ngân sách nhà nước sau khi thực hiện thành công việc trích nộp thu của Kho bạc nhà nước mở tại ngân hàng ủy nhiệm thu.

d) Trường hợp tài khoản mà người nộp thuế lựa chọn để trích tiền không đủ để trích nợ hoặc chưa phù hợp các thông tin liên quan, ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phản hồi thông tin người nộp thuế để chỉnh sửa, bổ sung và gửi phản hồi thông tin đến Cổng thanh toán điện tử hải quan về yêu cầu trích tiền không thành công.

3. Kiểm tra thông tin do ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán gửi qua Cổng thanh toán điện tử hải quan, thực hiện:

a) Trường hợp thông tin do ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán gửi qua Cổng thanh toán điện tử hải quan, tự động cập nhật thông tin thu, hạch toán thanh khoản nợ, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế, thông quan hàng hóa, tính tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định.

Trường hợp người nộp thuế nộp tiền phí, lệ phí cho nhiều tờ khai, hệ thống điện tử của cơ quan hải quan sẽ tự động trừ lùi số tiền phí, lệ phí phải thu theo nguyên tắc tờ khai có thời gian nợ phí, lệ phí xa nhất sẽ được trừ nợ trước;

b) Trường hợp thông tin do ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán gửi qua Cổng thanh toán điện tử hải quan (sai các thông tin liên quan trên thông điệp chuyển tiền), thông báo mã lỗi cho ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và từ chối cập nhật thông tin nộp tiền vào hệ thống tác nghiệp của hải quan, sau khi ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã chỉnh sửa phù hợp tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

c) Trường hợp thông tin thu ngân sách nhà nước do ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán gửi qua Cổng thanh toán điện tử hải quan chưa phù hợp với thông tin phải nộp trên hệ thống hải quan, cơ quan hải quan kiểm tra thông tin trên hệ thống với thông tin do người nộp thuế xuất trình để xử lý theo quy định, đồng thời thông báo lại những thông tin chưa phù hợp cho người nộp thuế để điều chỉnh chứng từ nộp tiền.

4. Sau khi nhận được thông tin chuyển tiền do ngân hàng ủy nhiệm thu chuyển đến, Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán kế toán số tiền phát sinh vào tài khoản thu nộp tiền thuế hoặc vào tài khoản tương ứng của cơ quan hải quan.

Cuối ngày hoặc chậm nhất vào đầu ngày làm việc tiếp theo, Kho bạc Nhà nước truyền bảng kê chứng từ nộp ngân sách qua trung tâm dữ liệu của Bộ Tài chính.

5. Sau khi nhận được thông tin hạch toán thu nộp tiền thuế do Kho bạc Nhà nước gửi đến, hệ thống hải quan cập nhật thông tin và hạch toán kế toán thanh toán với ngân sách nhà nước theo quy định.

6. Trường hợp hệ thống đường truyền có sự cố, các đơn vị xử lý theo quy định tại Điều 19 Thông tư này.

Điều 8. Nộp thuế điện tử qua ngân hàng phối hợp thu hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu

1. Người nộp thuế truy cập vào Cổng trao đổi thông tin của Ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền lựa chọn nộp thuế thông qua kênh giao dịch điện tử và thực hiện lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP.

Trường hợp người nộp thuế nộp tiền phí hải quan, lệ phí hàng hóa phương tiện quá cảnh cho nhiều tờ khai, người nộp thuế thực hiện theo điểm c khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

2. Hệ thống của ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán kiểm tra thông tin người nộp thuế kê khai, đối chiếu với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan và thực hiện xử lý như sau:

a) Trường hợp thông tin phù hợp với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan: ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trích tiền của người nộp thuế theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư này;

b) Trường hợp thông tin chưa phù hợp với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan: chưa phù hợp các thông tin liên quan (trừ thông tin về số tiền), ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phản hồi thông tin để người nộp thuế sửa đổi, bổ sung thông tin phù hợp trước khi chuyển tiền;

c) Trường hợp thông tin người nộp thuế kê khai nhưng không có trên Cổng thanh toán điện tử hải quan, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phản hồi thông tin cho người nộp thuế để kiểm tra lại thông tin trên tờ khai nộp thuế hoặc phản hồi lại bộ phận hỗ trợ (điện thoại và địa chỉ trên Cổng thông tin điện tử hải quan) để được xử lý, trường hợp cơ quan hải quan chưa xử lý, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán căn cứ thông tin kê khai của người nộp thuế để thực hiện: trích tiền của người nộp thuế chuyển ngay vào tài khoản thu của Kho bạc Nhà nước mở tại ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc Kho bạc Nhà nước; đồng thời truyền ngay dữ liệu thông tin thu đến Cổng thanh toán điện tử hải quan;

d) Trường hợp người nộp thuế cung cấp giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước được lập trên Cổng thông tin điện tử hải quan, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nhập vào chương trình thu nộp thuế số chứng từ hoặc sử dụng máy quét thông tin mã vạch để lấy toàn bộ thông tin giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước và thực hiện các bước tiếp theo như quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Hệ thống hải quan kiểm tra thông tin do ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc Kho bạc Nhà nước gửi đến và thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 7 Thông tư này.

Điều 9. Nộp thuế điện tử qua ngân hàng phối hợp thu đồng thời có ủy nhiệm thu với Kho bạc Nhà nước

1. Người nộp thuế truy cập vào Cổng trao đổi thông tin của Ngân hàng và thực hiện lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP. Hệ thống của ngân hàng kiểm tra thông tin người nộp thuế kê khai, đối chiếu với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan và thực hiện:

a) Trường hợp thông tin phù hợp với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan, ngân hàng thực hiện: trích tiền của người nộp thuế, hạch toán và chuyển ngay vào tài khoản thu của Kho bạc Nhà nước; đồng thời truyền ngay dữ liệu thông tin thu đến Cổng thanh toán điện tử hải quan;

b) Trường hợp thông tin chưa phù hợp với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan: chưa phù hợp các thông tin liên quan (trừ thông tin về số tiền), ngân hàng phản hồi thông tin cho người nộp thuế sửa đổi, bổ sung thông tin phù hợp trước khi chuyển tiền.

Trường hợp thông tin chưa phù hợp nhận từ ngân hàng, trong thời gian tối đa 01 (một) ngày làm việc ngân hàng phối hợp thu được ủy nhiệm thu thông báo với ngân hàng phối hợp thu xử lý, bổ sung trường hợp thông tin trên lệnh chuyển tiền chưa đầy đủ;

c) Trường hợp thông tin người nộp thuế kê khai nhưng không có trên Cổng thanh toán điện tử hải quan, ngân hàng thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Thông tư này;

d) Trường hợp người nộp thuế cung cấp giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước được lập trên Cổng thông tin điện tử hải quan, ngân hàng nhập vào chương trình thu nộp thuế mã số định danh hồ sơ hoặc sử dụng máy quét thông tin mã vạch để lấy toàn bộ thông tin giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước và thực hiện các bước tiếp theo như quy định tại điểm a Điều này;

đ) Sau khi nhận chứng từ nộp tiền liên ngân hàng, ngân hàng kiểm tra thông tin trên lệnh chuyển tiền, đối chiếu với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan, trình tự xử lý theo quy định tại điểm a, b, c Điều này. Trường hợp có sai sót thì xử lý theo quy định tại Điều 15, 16, 17 Thông tư này.

e) Trường hợp người nộp thuế nộp tiền phí hải quan, lệ phí hàng hóa phương tiện quá cảnh cho nhiều tờ khai, người nộp thuế thực hiện theo điểm c khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

2. Cơ quan hải quan sử dụng hệ thống điện tử tự động kiểm tra thông tin do ngân hàng gửi qua Cổng thanh toán điện tử hải quan, thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

3. Sau khi nhận được thông tin do ngân hàng ủy nhiệm thu chuyển đến, Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán kế toán số tiền phát sinh vào tài khoản thu ngân sách nhà nước hoặc tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan.

Cuối ngày hoặc chậm nhất vào đầu ngày làm việc tiếp theo, Kho bạc Nhà nước truyền bảng kê chứng từ nộp ngân sách qua trung tâm dữ liệu của Bộ Tài chính.

4. Sau khi nhận được thông tin hạch toán thu nộp tiền thuế do Kho bạc Nhà nước gửi đến, cơ quan hải quan cập nhật thông tin và hạch toán kế toán thanh toán với ngân sách nhà nước theo quy định.

5. Trường hợp hệ thống đường truyền dữ liệu giữa ngân hàng ủy nhiệm thu và Cổng thanh toán điện tử hải quan có sự cố, các đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

Điều 10. Nộp thuế điện tử qua ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chưa phối hợp thu với cơ quan hải quan.

1. Người nộp thuế lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ, trên hệ thống ứng dụng của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chưa phối hợp thu với cơ quan hải quan.

2. Ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chưa phối hợp thu với cơ quan hải quan chuyển tiền và đầy đủ thông tin trên chứng từ giao dịch nộp ngân sách nhà nước đến ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản.

2. Ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản truyền đầy đủ thông tin chứng từ giao dịch nộp ngân sách nhà nước đến Cổng thanh toán điện tử hải quan và thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 9 Thông tư này.

Điều 11. Cấp chứng từ nộp ngân sách nhà nước phục hồi

Trường hợp người nộp thuế có đề nghị cấp chứng từ nộp ngân sách nhà nước phục hồi thì ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc Kho bạc Nhà nước nơi người nộp thuế trích tài khoản thực hiện cấp chứng từ nộp ngân sách nhà nước phục hồi hoặc bản sao chứng từ nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP.

Mục 2

GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ CÁC KHOẢN THU DO CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN THU QUA CỔNG THANH TOÁN ĐIỆN TỬ HẢI QUAN

Điều 12. Cập nhật thông tin các khoản phải thu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu qua Cổng thanh toán điện tử hải quan

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu cung cấp thông tin liên quan tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác đến Cổng thanh toán điện tử hải quan, gồm:

a) Tên và mã số thuế người nộp tiền phí, lệ phí;

- b) Số và tên tài khoản nộp phí, lệ phí của cơ quan quản lý khoản phí, lệ phí;
- c) Tên và mã ngân hàng phối hợp thu hoặc tên Kho bạc Nhà nước giữ tài khoản tiền phí, lệ phí của cơ quan quản lý;
- d) Số và ngày hồ sơ;
- đ) Tên phí, lệ phí;
- e) Số tiền phí, lệ phí phải thu;
- g) Cơ quan quản lý phát hành số phải thu phí, lệ phí;
- h) Các thông tin liên quan khác khi kết nối, trao đổi với Cổng thông tin một cửa quốc gia của cơ quan hải quan.

2. Trường hợp thông tin các khoản phải nộp của cơ quan quản lý được cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đến Cổng thông tin một cửa quốc gia, hệ thống điện tử của cơ quan hải quan cập nhật, kết chuyển thông tin số phải thu phí, lệ phí, các khoản thu khác của cơ quan quản lý từ Cổng thông tin một cửa quốc gia sang Cổng thanh toán điện tử hải quan để hỗ trợ nộp phí, lệ phí điện tử qua Cổng thanh toán điện tử hải quan.

3. Cổng thanh toán điện tử hải quan nhận, cung cấp hàng ngày các thông tin liên quan đến các khoản thu phí, lệ phí do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu qua Cổng thanh toán điện tử hải quan.

Điều 13. Thu, nộp các khoản thu do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu Cổng thanh toán điện tử hải quan

1. Người nộp thuế lập chứng từ nộp phí, lệ phí phải nộp theo từng khoản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu trên Cổng thanh toán điện tử hải quan

a) Người nộp thuế truy cập vào Cổng thanh toán điện tử hải quan lựa chọn nộp các khoản thu phí, lệ phí của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu trên giấy nộp tiền. Người nộp thuế kiểm tra thông tin trên chứng từ nộp tiền, lựa chọn ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc Kho bạc Nhà nước trích tài khoản và ký số để yêu cầu trích tiền nộp các khoản phí, lệ phí.

b) Đối với khoản nộp chưa có trên Cổng thanh toán điện tử hải quan mà người nộp thuế lựa chọn lập chứng từ nộp tiền phí, lệ phí, người nộp thuế lập đầy đủ thông tin trên chứng từ, lựa chọn ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc Kho bạc Nhà nước trích tài khoản và ký số để yêu cầu trích tiền nộp phí, lệ phí.

2. Xử lý chứng từ nộp ngân sách nhà nước lập trên Cổng thanh toán điện tử hải quan

a) Công thanh toán điện tử hải quan tự động tạo ra số chứng từ hoặc mã định danh khoản thu cập nhật trên chứng từ nộp phí, lệ phí và các khoản thu khác của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu do người nộp thuế lập trên Công thanh toán điện tử hải quan và gửi yêu cầu trích nộp phí, lệ phí để gửi đến ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, Kho bạc Nhà nước mà người nộp thuế lựa chọn.

b) Công thanh toán điện tử hải quan thực hiện truyền thông tin theo chứng từ nộp phí, lệ phí (bao gồm: Tài khoản trích nợ; số tiền nộp phí, lệ phí và các khoản thu khác; Kho bạc Nhà nước/ngân hàng nơi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu mở tài khoản; cơ quan nơi quản lý khoản thu) đến ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, Kho bạc Nhà nước mà người nộp thuế đã lựa chọn trích tài khoản.

c) Ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, Kho bạc Nhà nước mà người nộp thuế trích tiền từ tài khoản lựa chọn để chuyển ngay vào tài khoản thu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu mở tại Kho bạc Nhà nước/ ngân hàng; đồng thời truyền ngay dữ liệu thông tin thu đến Công thanh toán điện tử hải quan.

Chứng từ nộp phí, lệ phí và các khoản thu khác thành công đã được ngân hàng, tổ chức trung gian thanh toán ký số (nếu có) gửi đến và gửi cho người nộp thuế.

d) Trường hợp tài khoản mà người nộp thuế lựa chọn để trích tiền không đủ để trích nợ hoặc chưa phù hợp các thông tin liên quan, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, Kho bạc Nhà nước phản hồi thông tin người nộp thuế để chỉnh sửa, bổ sung và gửi phản hồi thông tin đến Công thanh toán điện tử hải quan về yêu cầu trích tiền không thành công.

3. Trường hợp người nộp thuế cung cấp giấy nộp tiền phí, lệ phí và các khoản thu khác được lập trên Công thông tin điện tử hải quan, ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước cập nhật vào chương trình thu nộp số chứng từ hoặc sử dụng máy quét thông tin mã vạch để lấy toàn bộ thông tin giấy nộp tiền vào tài khoản thu phí và thực hiện các bước tiếp theo điểm a khoản 2 Điều này.

Trường hợp tiền phí, lệ phí và các khoản thu khác nộp vào tài khoản khác nhau, thì lập riêng giấy nộp tiền tương ứng với từng khoản thu.

4. Sau khi nhận được thông tin nộp tiền do ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc Kho bạc Nhà nước gửi qua Công thanh toán điện tử hải quan. Định kỳ hàng ngày Công thanh toán điện tử hải quan sẽ gửi thông tin thu đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu hoặc Công thông tin một cửa quốc gia các khoản phí, lệ phí của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu đã thực hiện nộp qua Công thanh toán điện tử hải quan.

Điều 14. Thu, nộp các khoản thu do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu qua ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu

1. Người nộp thuế kê khai các thông tin liên quan đến số tiền phải nộp cho từng khoản tiền trên Hệ thống của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

a) Trường hợp thông tin kê khai phù hợp với thông tin trên Cổng thanh toán điện tử hải quan, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trích tiền từ tài khoản của người nộp thuế để chuyển ngay vào tài khoản tiền thu phí, lệ phí và các khoản thu khác của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu đặt tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng nơi giữ tài khoản, đồng thời truyền ngay dữ liệu thông tin thu phí, lệ phí và các khoản thu khác đến Cổng thanh toán điện tử hải quan;

b) Trường hợp thông tin người nộp thuế kê khai chưa phù hợp với thông tin trên Cổng thanh toán điện tử hải quan: chưa phù hợp các thông tin liên quan (trừ thông tin về số tiền), ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thông báo để người nộp thuế sửa đổi, bổ sung thông tin phù hợp trước khi chuyển tiền;

c) Trường hợp kiểm tra thông tin người nộp thuế kê khai nhưng không có thông tin trong Cổng thanh toán điện tử hải quan, ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phản hồi lại bộ phận hỗ trợ của Tổng cục Hải quan để được xử lý, hoặc ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán căn cứ thông tin kê khai của người nộp thuế để chuyển ngay vào tài khoản tiền thu phí của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu đặt tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng nơi giữ tài khoản, đồng thời truyền ngay dữ liệu thông tin thu phí, lệ phí và các khoản thu khác đến Cổng thanh toán điện tử hải quan;

2. Trường hợp người nộp thuế cung cấp bảng kê nộp phí, lệ phí và các khoản thu khác được lập trên Cổng thông tin điện tử hải quan, ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước cập nhập vào chương trình thu nộp mã số định danh hồ sơ hoặc sử dụng máy quét thông tin mã vạch để lấy toàn bộ thông tin giấy nộp tiền vào tài khoản thu phí và thực hiện các bước tiếp theo điểm a khoản 2 Điều này.

Trường hợp tiền phí, lệ phí và các khoản thu khác phải nộp vào tài khoản thu khác nhau, thì lập riêng bảng kê nộp phí tương ứng với từng tài khoản thu.

Điều 15. Nộp phí, lệ phí của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu bằng điện tử qua ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chưa tham gia kết nối với Cổng thanh toán điện tử hải quan

Đối với chứng từ nộp phí, lệ phí đủ điều kiện trích nợ tài khoản theo đề nghị của người nộp thuế, hệ thống ứng dụng của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải ghi đầy đủ các thông tin trên giấy nộp tiền của người nộp thuế vào chứng từ chuyển tiền cho Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng nơi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu mở tài khoản.

1. Chuyển tiền và đầy đủ thông tin chứng từ giao dịch nộp phí, lệ phí đến ngân hàng/Kho bạc Nhà nước nơi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu mở tài khoản.

2. Ngân hàng/Kho bạc Nhà nước nơi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu mở tài khoản truyền đầy đủ thông tin chứng từ giao dịch nộp phí, lệ phí đến Cổng thanh toán điện tử hải quan và thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này.

Mục 3

THỦ TỤC BẢO LÃNH THUẾ ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI CÁC KHOẢN THU DO CƠ QUAN HẢI QUAN QUẢN LÝ

Điều 16. Bảo lãnh khoản phải nộp ngân sách nhà nước bằng phương thức điện tử

1. Bảo lãnh khoản nộp ngân sách nhà nước đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế. Ngân hàng phối hợp thu khi phát hành bảo lãnh thực hiện:

a) Chuyển thông tin bảo lãnh điện tử theo đúng định dạng thống nhất qua Cổng thanh toán điện tử hải quan.

Trường hợp thông tin thư bảo lãnh thuế truyền không phù hợp định dạng, hệ thống từ chối cập nhật thông tin bảo lãnh thuế;

b) Cấp cho người nộp thuế bảng kê nội dung thông tin bảo lãnh đảm bảo đầy đủ, chính xác các chỉ tiêu thông tin được ghi trên Thư bảo lãnh thuế để người nộp thuế khai báo các chỉ tiêu thông tin liên quan đến bảo lãnh thuế trên hệ thống thông quan điện tử tự động;

c) Mã của ngân hàng sử dụng để cập nhật vào hệ thống kế toán thuế tập trung và khai báo tại hệ thống thông quan điện tử: là mã nơi phát hành thư bảo lãnh thuộc bộ mã do Ngân hàng Nhà nước cấp.

2. Hệ thống điện tử tự động của hải quan kiểm tra thông tin bảo lãnh điện tử do ngân hàng phối hợp thu chuyển qua Cổng thanh toán điện tử hải quan với thông tin thư bảo lãnh do người nộp thuế khai báo trên hệ thống, nếu thông tin phù hợp (về mã số thuế, số tờ khai hoặc số hóa đơn và/ hoặc số vận đơn, số hiệu và ký hiệu bảo lãnh thuế, mã ngân hàng phối hợp thu cấp thư bảo lãnh thuế), hệ thống thông quan điện tử của cơ quan hải quan tự động xác nhận thực hiện nghĩa

vụ thuế bằng sử dụng bảo lãnh. Trường hợp thông tin không phù hợp, hệ thống không xác nhận thực hiện nghĩa vụ thuế bằng sử dụng bảo lãnh.

3. Ngân hàng phối hợp thu theo dõi tình hình sử dụng bảo lãnh thuế trên Cổng thanh toán điện tử hải quan.

4. Trường hợp ngân hàng phát hành bảo lãnh có gửi văn bản đề nghị dừng sử dụng bảo lãnh chung (hủy ngang): khi nhận được văn bản đề nghị của ngân hàng phát hành bảo lãnh, cơ quan hải quan thực hiện dừng ngay việc sử dụng bảo lãnh chung đó trên Hệ thống; trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị dừng bảo lãnh, cơ quan hải quan thông báo cho ngân hàng đã tiếp nhận văn bản đề nghị và thời gian cơ quan hải quan dừng sử dụng bảo lãnh.

Cơ quan hải quan thông báo với ngân hàng chính thức chấp thuận dừng bảo lãnh chung sau khi tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) của các tờ khai đã sử dụng bảo lãnh chung đó được nộp đủ vào ngân sách nhà nước.

Chương III

KẾT NỐI TRAO ĐỔI THÔNG TIN, DỮ LIỆU GIỮA CƠ QUAN HẢI QUAN VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC THUẾ

Điều 17. Thông tin trao đổi, cung cấp giữa cơ quan hải quan với Kho bạc Nhà nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

1. Cơ quan hải quan cung cấp thông tin phục vụ bảo lãnh, thu, nộp ngân sách nhà nước qua Cổng thanh toán điện tử hải quan.

a) Cơ quan hải quan có trách nhiệm cập nhật, bổ sung đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin chung, mã chương của người nộp thuế Danh mục Kho bạc Nhà nước, Danh mục cơ quan hải quan, Danh mục ngân hàng ủy nhiệm thu, Danh mục ngân hàng phối hợp thu, Danh mục tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu ngân sách nhà nước với cơ quan hải quan, Danh mục tài khoản thu ngân sách nhà nước, Danh mục mã chương, Danh mục mã tiểu mục (mã nội dung kinh tế).

b) Cung cấp, đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về khoản nộp ngân sách nhà nước trên Cổng thanh toán điện tử hải quan bao gồm các thông tin sau: Mã số thuế của người nộp thuế, tên người nộp thuế, nội dung khoản phải nộp, số tiền phải nộp, loại tiền, số tờ khai, số quyết định/thông báo của cơ quan có thẩm quyền đối với khoản phải nộp (nếu có), tên tài khoản nộp ngân sách nhà nước, mã và tên chương, mã và tên tiểu mục, mã và tên cơ quan quản lý thu, mã và tên Kho bạc Nhà nước hạch toán thu.

c) Nhận, cung cấp hàng ngày bảng kê các thông tin liên quan đến các khoản thu phí, lệ phí cho cơ quan quản lý qua Cổng thanh toán điện tử hải quan.

d) Cung cấp, đăng tải và cập nhật kịp thời các thông tin liên quan đến danh mục ngân hàng phối hợp thu, chuẩn kết nối, mã định danh và mã tham chiếu trên Cổng thông tin điện tử hải quan.

đ) Cung cấp một số thông tin tờ khai hải quan phục vụ thanh toán quốc tế qua Cổng thanh toán điện tử hải quan cho các ngân hàng phối hợp thu.

e) Hạch toán trừ nợ, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế và tính tiền chậm nộp (nếu phát sinh) ngay sau khi nhận thông tin nộp tiền điện tử do ngân hàng phối hợp thu, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu, Kho bạc Nhà nước truyền qua Cổng thanh toán điện tử hải quan.

2. Hình thức trao đổi, cung cấp thông tin:

Việc trao đổi, cung cấp thông tin giữa cơ quan hải quan với Kho bạc Nhà nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được thực hiện theo hình thức truyền nhận dữ liệu điện tử giữa Cổng thanh toán điện tử hải quan và Cổng thông tin điện tử hoặc hệ thống trao đổi, cung cấp thông tin của Kho bạc Nhà nước, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

3. Ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán sau khi trích tiền của người nộp thuế, truyền ngay dữ liệu thông tin thu theo đúng định dạng thống nhất (một thông điệp truyền sang Cổng thanh toán điện tử hải quan theo từng tờ khai hoặc nhiều tờ khai, từng hồ sơ hoặc nhiều hồ sơ tương ứng với một giấy nộp tiền) đến Cổng thanh toán điện tử hải quan.

Điều 18. Kết nối kỹ thuật giữa Cổng thanh toán điện tử hải quan và hệ thống trao đổi thông tin của ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

1. Tổng cục Hải quan thực hiện công khai tiêu chuẩn kỹ thuật trên Trang thông tin điện tử (www.customs.gov.vn); Cổng thanh toán điện tử hải quan và có trách nhiệm cập nhật nếu có thay đổi.

2. Ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo công khai của Tổng cục Hải quan gửi hồ sơ đề nghị kết nối đến Tổng cục Hải quan.

3. Hồ sơ đề nghị kết nối với Cổng thanh toán điện tử hải quan bao gồm:

- Văn bản đề nghị kết nối với Cổng thanh toán điện tử hải quan (theo mẫu số 01/KNNT-TTĐT ban hành kèm theo Thông tư này);

- Hồ sơ, tài liệu chứng minh (nếu có) về việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo công khai của Tổng cục Hải quan.

4. Tiếp nhận, xử lý văn bản đề nghị kết nối với Cổng thanh toán điện tử hải quan

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị kết nối của ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, Tổng cục Hải quan thực hiện kiểm tra các tài liệu hồ sơ và có thông báo gửi cho ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán về việc hồ sơ đảm bảo, hoặc chưa đảm bảo các điều kiện về kết nối với Cổng thanh toán điện tử hải quan, hoặc yêu cầu bổ sung thông tin (theo mẫu số 02/TBKN-TTĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Trường hợp hồ sơ đảm bảo các điều kiện về kết nối, kể từ ngày Tổng cục Hải quan thông báo về việc hồ sơ đảm bảo kết nối, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện các thủ tục kết nối kỹ thuật với Cổng thanh toán điện tử hải quan.

c) Sau khi đã kết nối kỹ thuật thành công, Tổng cục Hải quan thực hiện kiểm tra thực tế việc đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối tại ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và ký Biên bản kiểm tra. Nếu Biên bản kiểm tra có kết quả là đáp ứng tiêu chuẩn kết nối thì Tổng cục Hải quan ký văn bản thỏa thuận với Ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. Nếu Biên bản kiểm tra có kết quả là không đáp ứng các tiêu chuẩn kết nối thì Tổng cục Hải quan có văn bản thông báo từ chối ký thỏa thuận và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký Biên bản kiểm tra với kết quả là đạt, Tổng cục Hải quan và Ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thống nhất nội dung, thời gian ký thỏa thuận.

d) Chậm nhất 10 ngày làm việc sau khi ký thỏa thuận, Tổng cục Hải quan có Thông báo công khai bổ sung danh sách ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tham gia kết nối với Cổng thanh toán điện tử hải quan (sau đây gọi chung là tổ chức đã tham gia kết nối) trên Trang thông tin điện tử (www.customs.gov.vn); Cổng thanh toán điện tử hải quan.

5. Thay đổi, bổ sung thông tin đã ký thỏa thuận;

a) Trong quá trình trao đổi, cung cấp thông tin, tổ chức đã tham gia kết nối với Cổng thanh toán điện tử hải quan có thay đổi, bổ sung thông tin đã ký thỏa thuận thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi tổ chức đã tham gia kết nối phải gửi văn bản (theo mẫu số 01/KNNT-TTĐT ban hành kèm theo Thông tư này) kèm theo các tài liệu hồ sơ liên quan đến nội dung thay đổi đến Tổng cục Hải quan.

b) Trường hợp các thay đổi liên quan đến văn bản thỏa thuận đã ký thì hai bên phải ký phụ lục văn bản thỏa thuận bổ sung.

c) Trường hợp các thay đổi liên quan đến tiêu chuẩn kỹ thuật ảnh hưởng đến việc kết nối thì Tổng cục Hải quan có thể kiểm tra lại thực tế tại ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán về các tiêu chuẩn kết nối trước khi ký phụ lục văn bản thỏa thuận bổ sung.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ thông tin bổ sung và hồ sơ kèm theo (nếu có) hoặc ký biên bản kiểm tra với kết quả đạt, Tổng cục Hải quan và tổ chức đã tham gia kết nối thống nhất nội dung, thời gian ký thỏa thuận bổ sung.

6. Ngừng kết nối với Cổng thanh toán điện tử hải quan

a) Trường hợp tổ chức đã tham gia kết nối với Cổng thanh toán điện tử hải quan tạm ngừng/ngừng cung cấp dịch vụ liên quan đến thu, nộp thuế thì:

- Tổ chức đã tham gia kết nối phải gửi thông báo cho người nộp thuế có liên quan và Tổng cục Hải quan bằng văn bản trước thời hạn tạm ngừng/ngừng cung cấp dịch vụ 30 ngày (trường hợp tạm ngừng phải ghi rõ thời điểm tạm ngừng và thời điểm dự kiến bắt đầu trở lại hoạt động). Trường hợp ngừng cung cấp dịch vụ thì hai bên ký biên bản chấm dứt thỏa thuận trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Tổng cục Hải quan nhận được thông báo ngừng cung cấp dịch vụ của tổ chức đã tham gia kết nối.

- Ngay sau khi nhận được thông báo tạm ngừng/ngừng cung cấp dịch vụ của tổ chức đã tham gia kết nối, Tổng cục Hải quan thực hiện tạm ngừng/ngừng kết nối và thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử (www.customs.gov.vn); Cổng thanh toán điện tử hải quan.

b) Tổng cục Hải quan chủ động tạm ngừng/chấm dứt kết nối giữa Cổng thanh toán điện tử hải quan và hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức đã tham gia kết nối trong các trường hợp sau:

b.1) Trường hợp tổ chức đã tham gia kết nối bị giải thể; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của tổ chức; bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật thì kể từ thời điểm ban hành thông báo của cơ quan có thẩm quyền, Tổng cục Hải quan chấm dứt kết nối giữa Cổng thanh toán điện tử hải quan và hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức đã tham gia kết nối.

b.2) Trường hợp qua kiểm tra Tổng cục Hải quan phát hiện tổ chức đã tham gia kết nối không đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo công khai của Tổng cục Hải quan; hoặc vi phạm các quy định về kết nối; hoặc vi phạm các quy định tại Quy chế trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ thu ngân sách nhà nước của Tổng cục Hải quan; hoặc vi phạm các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Căn cứ vào mức độ vi phạm qua kiểm tra, Tổng cục Hải quan có quyền tạm ngừng có thời hạn/chấm dứt kết nối giữa Cổng thanh toán điện tử hải quan và hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức đã tham gia kết nối.

b.3) Khi chủ động tạm ngừng/chấm dứt kết nối, Tổng cục Hải quan có văn bản gửi cho tổ chức đã tham gia kết nối được biết và thực hiện ngừng kết nối với hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức, đồng thời công bố công khai trên Trang thông tin điện tử (www.customs.gov.vn) và Cổng thanh toán điện tử hải quan.

Điều 19. Xử lý thông tin khi hệ thống của cơ quan hải quan, Kho bạc Nhà nước, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu gặp sự cố

1. Cơ quan hải quan, Kho bạc Nhà nước, ngân hàng phối hợp thu, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu phải đăng ký Email nội bộ để thông báo các thông tin liên quan đến thu nộp ngân sách.

2. Khi hệ thống gặp sự cố, các bên liên quan có trách nhiệm tìm nguyên nhân xảy ra sự cố, trong vòng 01 (một) giờ làm việc thông báo nội bộ và người nộp thuế để thống nhất xử lý.

3. Căn cứ chứng từ nộp tiền do người nộp thuế cung cấp và thông tin do ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, Kho bạc Nhà nước cung cấp, cơ quan hải quan quyết định xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế.

4. Sau khi khắc phục sự cố đường truyền, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, Kho bạc Nhà nước truyền lại toàn bộ thông tin thu đã cấp giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước cho người nộp thuế sang Cổng thanh toán điện tử hải quan theo quy định.

5. Khi nhận lại thông tin nộp tiền qua Cổng thanh toán điện tử hải quan, cơ quan hải quan thực hiện hạch toán trừ nợ, tính tiền chậm nộp (nếu có) cho người nộp thuế.

Điều 20. Đối chiếu số liệu và xử lý sai sót trong đối chiếu giữa cơ quan hải quan với ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu

1. Nội dung đối chiếu

a) Đối chiếu chi tiết thông tin giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, giấy nộp tiền vào tài khoản thu phí với đầy đủ các chỉ tiêu thông tin trên thông điệp nộp tiền;

b) Đối chiếu tổng số giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, giấy nộp tiền thu phí, tổng số tiền theo mục lục ngân sách hoặc loại phí: chi tiết theo cơ quan hải quan, Kho bạc Nhà nước địa phương, hoặc chi tiết theo cơ quan quản lý; bảng kê đối chiếu;

c) Đối chiếu chi tiết thông tin bảo lãnh thuế (bao gồm các thông tin của thông điệp bảo lãnh riêng và bảo lãnh chung) với đầy đủ các chỉ tiêu ghi trên thư bảo lãnh thuế theo quy định của pháp luật thuế;

d) Đối chiếu tổng số các loại bảo lãnh thuế, tổng số tiền, chi tiết theo cơ quan hải quan;

đ) Bảng kê thông tin đối chiếu thực hiện theo mẫu số 03/BKĐCNS-NH (đối với tiền thuế) hoặc mẫu số 04/BKĐCPHI (đối với tiền phí) ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Phạm vi đối chiếu: Tổng cục Hải quan và Hội sở ngân hàng phối hợp thu, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu thực hiện đối chiếu toàn bộ thông tin, trao đổi thông tin qua Cổng thanh toán điện tử hải quan với hệ thống của ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

Toàn bộ thông tin giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, giấy nộp tiền vào tài khoản tiền gửi chuyên dùng thu phí, lệ phí và các khoản thu khác, thông tin bảo lãnh thuế phát sinh từ 16 giờ 00 phút ngày làm việc liền trước đến 16 giờ 00 phút của ngày làm việc tính theo giờ của Cổng thanh toán điện tử hải quan.

3. Phương thức đối chiếu: cơ quan hải quan và ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu thực hiện đối chiếu, trao đổi thông tin bằng phương thức điện tử qua Cổng thanh toán điện tử hải quan. Trường hợp có phát sinh chênh lệch, hai bên phối hợp để xử lý.

4. Thời điểm thực hiện đối chiếu:

Đối chiếu hàng ngày: được thực hiện sau 16 giờ 00 của ngày đối chiếu. Nội dung đối chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp ngày đối chiếu vào ngày nghỉ, ngày lễ, hệ thống các bên tự động xử lý, nếu có chênh lệch thì phải xử lý vào ngày làm việc tiếp theo.

Riêng ngày cuối năm phải đối chiếu toàn bộ thông tin giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước phát sinh đến 24 giờ 00 phút của ngày làm việc tính theo giờ của Cổng thanh toán điện tử hải quan.

5. Xử lý kết quả thông tin đối chiếu:

a) Trường hợp thông tin đối chiếu khớp đúng: cơ quan hải quan xác nhận với ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán qua Cổng thanh toán điện tử hải quan;

b) Trường hợp thông tin đối chiếu chưa khớp đúng: các bên phải rà soát, phối hợp xác định nguyên nhân và xử lý đến khi khớp đúng;

c) Trường hợp không nhận được thông tin giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước do Kho bạc Nhà nước chuyển đến, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, cơ quan hải quan nơi quản lý thu:

c1) Thông báo cho ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu về việc không nhận được thông tin giấy nộp tiền từ Kho bạc Nhà nước;

c2) Ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu có trách nhiệm làm rõ nguyên nhân chưa chuyển thông tin thu sang Kho bạc Nhà nước, giải trình với cơ quan hải quan về việc chưa chuyển thông tin thu sang Kho bạc Nhà nước, thực hiện nộp tiền thuế và tiền chậm nộp (nếu phát sinh lỗi do nguyên nhân chủ quan của ngân hàng) trên số tiền chậm chuyển theo đúng quy định của pháp luật, khắc phục hậu quả vi phạm do mình gây ra.

6. Xử lý đối chiếu thông tin nộp tiền giữa số tiền ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã chuyển qua Cổng thanh toán điện tử hải quan với bảng kê chứng từ nộp ngân sách của Kho bạc Nhà nước:

a) Hàng ngày Cục Hải quan, Chi cục Hải quan phân công công chức phòng, đội kiểm tra các chức năng tra cứu của cổng thanh toán trên hệ thống kế toán thuế tập trung, rà soát các khoản thu của ngân hàng phối hợp thu đã truyền qua Cổng thanh toán điện tử hải quan, được hạch toán thanh khoản nợ đối chiếu với bảng kê thông tin giấy nộp tiền do Kho bạc Nhà nước chuyển để xác định các khoản tiền do ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu chậm chuyển; thông báo cho ngân hàng về những chứng từ không nhận được thông tin giấy nộp tiền từ Kho bạc Nhà nước.

Phối hợp với các đầu mối của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu kiểm tra giấy nộp tiền do doanh nghiệp xuất trình khi hệ thống các bên gặp sự cố;

b) Các Chi nhánh của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu nơi chuyển tiền có trách nhiệm phối hợp với các Cục, Chi cục Hải quan liên quan xử lý chuyển chậm tiền vào ngân sách nhà nước;

c) Các ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán vi phạm thời gian chuyển tiền theo quy định, cơ quan hải quan đã có thông báo nhắc nhở nhưng không khắc phục thì Tổng cục Hải quan chính thức thông báo dừng việc phối hợp thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Thực hiện tra soát, điều chỉnh thông tin hạch toán thu nộp tiền thuế và xử lý sai sót trong đối chiếu giữa các bên liên quan

1. Nguyên tắc xử lý sai sót

a) Sai sót phát sinh tại đơn vị nào, đơn vị đó phải chịu trách nhiệm và chủ động xác định nguyên nhân sai sót, khắc phục hậu quả, đồng thời gửi tra soát điện tử đến các đơn vị liên quan để phối hợp, xử lý theo quy định;

b) Các khoản chuyển tiền thừa, tiền thiếu được xử lý theo quy định về sai sót phát sinh trong quá trình hạch toán.

Các trường hợp chuyển tiền thừa và đề nghị hoàn trả phải đảm bảo không ảnh hưởng đến tờ khai được cơ quan hải quan đã hạch toán trừ nợ, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ về thuế và thông quan hàng hóa;

c) Trong mọi trường hợp điều chỉnh, khi chứng từ thu nộp tiền thuế đã được Kho bạc Nhà nước truyền sang cơ quan thu, thì các chứng từ điều chỉnh hoặc trả lại chứng từ có liên quan phải truyền cho cơ quan thu để theo dõi, tránh việc lợi dụng, thất thoát nguồn thu ngân sách;

d) Trường hợp ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán sai sót chuyển tiền so với yêu cầu của người nộp thuế và cơ quan hải quan đã sử dụng thông tin nộp tiền để hạch toán, trừ nợ, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế và thông quan hàng hóa. Ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm gửi tra soát điện tử tới cơ quan hải quan về việc chuyển tiền. Cơ quan hải quan kiểm tra thông tin tra soát do ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và gửi thông tin tra soát tới Kho bạc Nhà nước phối hợp để phối hợp xử lý theo quy định;

đ) Các ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu nơi chuyển tiền phát sinh sai sót, chậm chuyển tiền vào ngân sách nhà nước, ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải chịu trách nhiệm và chủ động xác định nguyên nhân sai sót, khắc phục hậu quả với ngân sách, đồng thời gửi thư tra soát hoặc thông báo đến cơ quan hải quan, ngân hàng ủy nhiệm thu để phối hợp, xử lý;

e) Trường hợp thông tin bảo lãnh điện tử có sai sót phải điều chỉnh, ngân hàng phải gửi thông tin hủy bảo lãnh và phát hành thư bảo lãnh điện tử mới thay thế thư bảo lãnh đã hủy.

Thư bảo lãnh mới phải đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định, đồng thời hiệu lực thực hiện phải bao trùm hiệu lực của thư bảo lãnh đề nghị hủy, số tiền phải bằng hoặc lớn hơn số tiền thuế đã thực hiện bảo lãnh.

2. Trách nhiệm của người nộp thuế:

a) Khi người nộp thuế phát hiện thông tin kê khai trên chứng từ nộp thuế có sai sót, người nộp thuế lập đề nghị điều chỉnh thu ngân sách nhà nước gửi cơ quan hải quan kiểm tra, điều chỉnh theo quy định;

b) Trường hợp ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chuyển tiền thừa so với yêu cầu của người nộp thuế; người nộp thuế phối hợp với ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán gửi thông tin tra

soát đến cơ quan hải quan nơi mở tờ khai để kiểm tra, xử lý xử lý theo hướng dẫn điểm d khoản 1 Điều này.

3. Trách nhiệm của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chưa phối hợp thu:

Ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chưa phối hợp thu đã chuyển tiền và thông tin nộp ngân sách nhà nước sang ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc Kho bạc Nhà nước, nếu phát hiện ra sai sót thì phối hợp với đơn vị nhận tiền để thực hiện tra soát và điều chỉnh sai sót.

4. Trách nhiệm của ngân hàng và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu:

a) Ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu đã chuyển tiền và thông tin nộp ngân sách nhà nước sang ngân hàng ủy nhiệm thu, nếu phát hiện sai sót thì lập thư tra soát gửi ngân hàng ủy nhiệm thu để thực hiện tra soát và điều chỉnh sai sót;

b) Trường hợp ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã chuyển tiền và chuyển thông tin nộp ngân sách nhà nước sang ngân hàng ủy nhiệm thu, đồng thời chuyển thông tin nộp tiền sang Công thanh toán điện tử hải quan và được hạch toán, trừ nợ, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế, nếu phát hiện ra sai sót thì ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán gửi tra soát điện tử đến cơ quan hải quan nơi mở tờ khai xác nhận thông tin thu ngân sách, đồng thời gửi ngân hàng ủy nhiệm thu để thực hiện tra soát và điều chỉnh sai sót đảm bảo không ảnh hưởng đến xử lý nợ của lô hàng đã được thông quan;

c) Trường hợp ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chuyển thừa tiền so với yêu cầu của người nộp thuế, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có gửi tra soát điện tử xác nhận khoản tiền chuyển thừa gửi cơ quan hải quan nơi mở tờ khai để kiểm tra, xử lý theo hướng dẫn điểm d khoản 1 Điều này.

5. Trách nhiệm của ngân hàng ủy nhiệm thu:

a) Trường hợp đã chuyển tiền và thông tin nộp ngân sách nhà nước sang Kho bạc Nhà nước, nếu ngân hàng phát hiện ra sai sót thì lập thư tra soát gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện tra soát và điều chỉnh sai sót;

b) Khi nhận được thư tra soát của ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, ngân hàng ủy nhiệm thu thực hiện tra soát và điều chỉnh sai sót trong thanh toán; đồng thời gửi thông tin đã điều chỉnh cho Kho bạc Nhà nước để điều chỉnh sai sót;

c) Trường hợp ngân hàng ủy nhiệm thu chuyển tiền, đồng thời chuyển thông tin nộp tiền sang Công thanh toán điện tử hải quan và được hạch toán, trừ

nợ, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế, nếu phát hiện ra sai sót thì lập thư tra soát gửi cơ quan hải quan nơi mở tờ khai xác nhận thông tin thu ngân sách, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện tra soát và điều chỉnh sai sót, đảm bảo không ảnh hưởng đến xử lý nợ của lô hàng đã được thông quan;

d) Trường hợp ngân hàng sai sót chuyển thừa tiền so với yêu cầu của người nộp thuế hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, ngân hàng gửi thông tin tra soát đến cơ quan hải quan nơi có khoản nộp thừa và Kho bạc Nhà nước đề nghị xác nhận khoản tiền đã chuyển thừa; cơ quan hải quan nơi có khoản nộp thừa kiểm tra, xử lý theo hướng dẫn tại điểm d khoản 1 Điều này.

6. Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

a) Khi cơ quan hải quan phát hiện sai sót từ thông tin của Kho bạc Nhà nước chuyển đến, nếu thông tin được Kho bạc Nhà nước hạch toán, cơ quan hải quan nơi mở tờ khai đã hạch toán, trừ nợ, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế, thông quan hàng hóa hoặc đã hạch toán thu nộp tiền thuế thì cơ quan hải quan lập giấy đề nghị điều chỉnh gửi Kho bạc Nhà nước và cơ quan hải quan nơi người nộp thuế nộp nhằm để điều chỉnh các thông tin hạch toán thu nộp tiền thuế.

Trường hợp nhận bảng kê chứng từ nộp ngân sách từ Kho bạc Nhà nước nhưng sai cơ quan thu, sai Kho bạc Nhà nước nơi giữ tài khoản, cơ quan hải quan nơi nhận bảng kê chứng từ nộp ngân sách thực hiện tra soát, có văn bản gửi Kho bạc Nhà nước đề nghị điều chỉnh chứng từ thu về đúng cơ quan thu, đúng Kho bạc Nhà nước nơi giữ tài khoản;

b) Căn cứ thư tra soát đối với tài khoản chờ xử lý của cơ quan hải quan tại Kho bạc Nhà nước, cơ quan hải quan xác định, bổ sung thông tin hạch toán thu nộp tiền thuế vào thư tra soát và gửi Kho bạc Nhà nước để điều chỉnh các thông tin hạch toán thu nộp tiền thuế;

c) Trường hợp ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán sai sót chuyển thừa tiền so với yêu cầu của người nộp thuế, cơ sở xác nhận của cơ quan hải quan nơi mở tờ khai, ngân hàng đến Kho bạc Nhà nước để thực hiện tra soát, hoàn trả.

7. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước:

a) Khi đã hạch toán thu nộp tiền thuế và chuyển thông tin thu nộp tiền thuế sang cơ quan hải quan, nếu phát hiện sai sót thì Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm điều chỉnh thông tin và gửi chứng từ điều chỉnh sang cơ quan hải quan để cơ quan thu điều chỉnh thông tin quản lý đảm bảo không ảnh hưởng đến xử lý nợ của lô hàng đã được thông quan;

b) Khi nhận được đề nghị tra soát từ các cơ quan liên quan (cơ quan hải quan, ngân hàng ủy nhiệm thu, ngân hàng phối hợp thu, ngân hàng chưa phối hợp thu), Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm rà soát và thông báo với cơ quan hải quan để điều chỉnh thông tin thu nộp tiền thuế;

c) Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm lập thư tra soát đối với các khoản thu đã hạch toán vào tài khoản chờ xử lý của cơ quan hải quan để cơ quan hải quan bổ sung thông tin hạch toán thu nộp tiền thuế;

d) Trường hợp ngân hàng chuyển thừa tiền so với yêu cầu của người nộp thuế, căn cứ thông tin tra soát do cơ quan hải quan gửi, Kho bạc Nhà nước thực hiện hoàn trả theo quy định.

8. Trường hợp hệ thống của các bên đáp ứng tra soát bằng phương thức điện tử, ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu chuyển thừa tiền so với yêu cầu của người nộp thuế, các đơn vị liên quan thực hiện:

a) Ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán gửi đề nghị tra soát qua Cổng thanh toán điện tử hải quan;

b) Tổng cục Hải quan thực hiện lệnh tra soát gửi ngân hàng phối hợp thu và gửi Kho bạc Nhà nước;

c) Kho bạc Nhà nước căn cứ đề nghị của ngân hàng và kết quả tra soát do Tổng cục Hải quan gửi qua Cổng thanh toán điện tử hải quan thực hiện hoàn trả theo quy định.

Điều 22. Thực hiện tra soát, điều chỉnh thông tin và xử lý sai sót bảo lãnh tiền thuế điện tử trong đối chiếu giữa các bên liên quan

1. Nguyên tắc xử lý sai sót: Nguyên tắc xử lý thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư này.

2. Trách nhiệm của người nộp thuế:

Khi phát hiện thông tin bảo lãnh sai sót do ngân hàng phối hợp thu cấp, thì:

a) Đề nghị với cơ quan hải quan kiểm tra lại thông tin bảo lãnh do ngân hàng đã chuyển cho cơ quan hải quan;

b) Thông báo với ngân hàng nơi phát hành bảo lãnh về sai lệch thông tin bảo lãnh, đề nghị ngân hàng sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bảng kê thông tin bảo lãnh.

3. Trách nhiệm của ngân hàng phối hợp thu:

Ngân hàng có trách nhiệm kiểm tra lại thông tin bảo lãnh đã phát hành hoặc do cơ quan hải quan hoặc người nộp thuế thông báo phát hiện có sai sót và thực hiện:

a) Trường hợp sai sót giữa thông tin thư bảo lãnh đã cung cấp cho người nộp thuế với thông tin bảo lãnh gửi sang hải quan, thì cung cấp lại chính xác thông tin thư bảo lãnh gửi người nộp thuế để khai báo;

b) Trường hợp sai sót về nội dung thư bảo lãnh đã phát hành thì đề nghị gửi thông điệp hủy thư bảo lãnh và phát hành thay thế một thư bảo lãnh mới đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư này.

4. Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

a) Trường hợp người nộp thuế phát hiện sai sót thông tin bảo lãnh do ngân hàng phối hợp thu cấp, công chức hải quan nơi mở tờ khai hỗ trợ người nộp thuế kiểm tra, xác định các thông tin bảo lãnh sai lệch;

b) Kiểm tra thông điệp đề nghị hủy bảo lãnh, trường hợp chấp nhận hủy bảo lãnh điện tử thì thực hiện hủy bảo lãnh và tiếp nhận bảo lãnh mới đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư này.

Điều 23. Trình tự đối chiếu và xử lý sai sót (nếu có) khi thu nộp phí, lệ phí của cơ quan quản lý

1. Định kỳ hàng ngày, cơ quan hải quan thực hiện đối chiếu các giao dịch thành công, giao dịch hủy với ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu.

2. Trên cơ sở kết quả đối chiếu các giao dịch thu nộp phí, lệ phí với ngân hàng phối hợp thu hoặc Kho bạc Nhà nước, cơ quan hải quan lập bảng kê giao dịch thành công và chuyển cho các cơ quan quản lý qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

3. Căn cứ bảng kê giao dịch phát sinh do cơ quan hải quan cấp và sao kê tài khoản phí, lệ phí của ngân hàng phối hợp thu hoặc Kho bạc Nhà nước nơi giữ tài khoản, cơ quan quản lý kiểm tra, phát hiện sai sót.

4. Trường hợp có sai sót, cơ quan quản lý thông báo đến cơ quan hải quan để cơ quan hải quan phối hợp đơn vị liên quan rà soát, xử lý.

Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc cơ quan hải quan có trách nhiệm thông báo lại các bên liên quan về nguyên nhân sai sót để phối hợp, điều chỉnh.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Bãi bỏ một số nội dung tại Thông tư số 184/2015/TT-BTC như sau:

1. Bãi bỏ Khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 2.

2. Bãi bỏ các nội dung liên quan đến giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

3. Bãi bỏ các mẫu bảng kê nộp thuế (Mẫu số: 01/BKNT), mẫu giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước (Mẫu số: C1-02/NS).

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Tổ chức đã tham gia phối hợp thu với cơ quan hải quan trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện phối hợp thu với cơ quan hải quan.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó TTCP;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Hội đồng dân tộc;
- Ủy ban pháp luật, Ủy ban Tài chính - Ngân sách (Quốc hội);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website của Chính phủ;
- Website của Bộ Tài chính;
- Website của Tổng cục Hải quan;
- Lưu: VT, TCHQ (...b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**